Phụ lục số 100

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ MƯỜNG VANG

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường liên xã Nhân Nghĩa Mường Vang nhánh 1	Xóm Tôm Dưới giáp ranh xã Nhân Nghĩa cũ	Hết trường Trung học cơ sở Tân Lập	1.200	700	550	900	500	350	800	450	300
2		Giáp Trường Trung học cơ sở Tân Lập đi về phía Trụ sở 2 UBND xã Mường Vang	Hết địa phận xã Tân Lập cũ	1.000	600	450	700	400	250	600	350	250
3		Điểm bắt đầu địa phận xã Tuân Đạo cũ	Đường vào Trạm y tế xã Tuân Đạo cũ	800	500	300	600	400	250	500	300	200
4		Đường vào Trạm y tế xã Tuân Đạo cũ	Đường vào nhà văn hóa xóm Mọi Mới đang sử dụng hiện nay	1.200	700	550	900	500	350	800	450	300
5		Đường vào nhà văn hóa xóm Mọi Mới đang sử dụng hiện nay	Điểm tiếp giáp với đất Trường tiểu học Quý Hòa	800	500	300	600	400	250	500	300	200
6		Trường tiểu học Quý Hòa	Hết đất sân thể thao xóm Khả	1.200	700	550	900	500	350	800	450	300
7		Điểm tiếp giáp sân thể thao xóm Khả	Ngầm Khả	800	500	300	600	400	250	500	300	200
8	Đường liên xã Nhân Nghĩa Mường Vang nhánh 2	Cầu Khung giáp địa giới hành chính xã Nhân Nghĩa	Ngầm Bến Đa	1.000	600	450	700	400	250	600	350	250
9		Ngầm Bến Đa	Điểm tiếp giáp với nhà ông Chúc xóm Chiềng Vang 1	2.200	1.700	1.400	1.600	1.200	1.000	1.400	1.000	800
10		Đất nhà ông Chúc xóm Chiềng Vang 1	Nhà ông Hiển xóm Chạo Nạc	700	450	300	600	420	300	500	270	200
11	Đường liên xã Mường Vang Thượng Cốc	Cách 12 m từ đường liên xã Mường Vang Nhân Nghĩa nhánh 2	Hết đất xóm Chiềng Vang 2	1.000	600	450	700	400	250	600	350	250
12		Điểm hết đất xóm Chiềng Vang 2	Hết đất xã Mường Vang	700	450	300	600	420	300	500	270	200
13	Đường trục xã	Giáp đường liên xã nhánh 1	Giáp đường liên xã nhánh 2	2.200	1.700	1.400	1.600	1.200	1.000	1.400	1.000	800
14	Đường liên thôn xóm	Hộ ông Chựng xóm Sào Mọng	Trường Tiểu học chi xóm Đanh	500	350	250	350	250	200	250	200	150
15		Trường Tiểu học chi xóm Đanh	Hết địa phận xóm Đào	500	350	250	350	250	200	250	200	150
16		Ông Vịa xóm Chạo Nạc	Hết địa phận xóm Quàn	500	350	250	350	250	200	250	200	150

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
17	Đường liên thôn xóm	Ngầm Suối Cáo	Nhà ông Viện xóm Rậm Kẻm	500	350	250	350	250	200	250	200	150
18		Nhà văn hóa xóm Thang	Nhà ông Thỉn xóm Thang	500	350	250	350	250	200	250	200	150
19		Xóm Thung 1	Xóm Thung 2	400	300	200	300	200	150	250	200	150
20		Xóm Vẹ	Hết xóm Thêu	400	300	200	300	200	150	250	200	150
21		Xóm Ngọc	Hết xóm Củ	400	300	200	300	200	150	250	200	150
22		Ngầm Khả	Hết xóm Rọi	400	300	200	300	200	150	250	200	150
23		Đường liên xã Nhân Nghĩa - Mường Vang nhánh 1	Hết xóm Đồi Đong	400	300	200	300	200	150	250	200	150
24		Đường liên xã Nhân Nghĩa - Mường Vang nhánh 2	Hết xóm Đắc	400	300	200	300	200	150	250	200	150
*	**Các khu nhà ở, khu dân cư và khu tái định cư**											
25	Khu nhà ở tại Đồng Quền, xóm Chiềng Vang 2, xã Tân Lập	Các thửa đất liền kề tiếp giáp đường quy hoạch 10,5 m phía ngoài (đường liên xã)		5.200			2.100			1.600		
26		Nhóm thửa đất tiếp giáp đường nội bộ phía trong quy hoạch 16,5 m		4.200			1.700			1.300		
27		Các thửa liền kề		4.800			1.900			1.400		
28		Các thửa đất biệt thự (có vị trí tiếp giáp hai đường quy hoạch, vừa đối diện khu đất cây xanh, công cộng)		4.150			1.700			1.200		
29		Nhóm thửa đất tiếp giáp đường nội bộ phía trong quy hoạch 13,5 m		4.150			1.700			1.200		
30		Các thửa liền kề		3.400			1.400			1.000		
31		Các thửa đất biệt thự (có vị trí vừa tiếp giáp một đường quy hoạch, vừa tiếp giáp khu đất cây xanh, công cộng)		3.100			1.200			900		
32	Khu tái định cư dự án Khu dân cư nông thôn mới hạ tầng tái định cư và nhà ở Quý Hòa			600			200			200		
33	Khu tái định cư xóm Rài Tuân Đạo			500			350			250		

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
34	Khu tái định cư xóm Sào Mọng (xã Tuân Đạo cũ)			500			350			250		
35	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			300			260			240		